

SỔ TAY GIÁM ĐỐC

500

TÌNH HUỐNG QUẢN LÝ

**VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA
PHÁP LUẬT KHI XỬ LÝ**

TẬP 2

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Hà Nội - 2000

"Một sự nghĩ không cẩn thận
có khi để lo cho bốn bề.
Một ngày làm không chu đáo
có khi gây di họa đến trăm năm"
(SÁCH CÁCH NGÔN)

CUỐN SÁCH NÀY NHẪM ĐEM TỚI CHO BẠN SỰ CẨN THẬN
VÀ CHU ĐÁO TRONG KHI
XỬ LÝ CÔNG VIỆC CỦA DOANH NGHIỆP

Tủ sách "Nhà quản lý"

Biên soạn

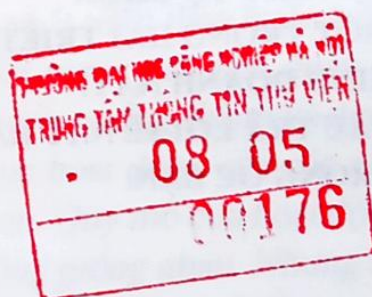
NGUYỄN HOÀNG LINH - VŨ XUÂN TIỀN

SỔ TAY GIÁM ĐỐC



500 TÌNH HUỐNG QUẢN LÝ & CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT KHI XỬ LÝ

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI - 2000

NHỮNG AI CÓ TỔ CHẤT CỦA NHÀ DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI?

Có hai quan niệm sau:

- 1. "Giám sát và kiểm tra là chìa khoá dẫn tới chất lượng hàng hoá và dịch vụ. Các chuyên viên kiểm tra chất lượng và các giám sát viên có thể đảm bảo chất lượng".*
- 2. "Giám sát và kiểm tra là quá chậm trễ. Nếu công nhân có thể sản xuất không lỗi thì có thể loại bỏ hẳn việc giám sát và kiểm tra. Chất lượng hàng hoá và dịch vụ được bảo đảm từ phòng giám đốc, từ khâu thiết kế".*

**BẠN HÃY TỰ CHỌN
MỘT TRONG HAI TRIẾT LÝ
KINH DOANH NÀY.
CÂU TRẢ LỜI SẼ NẢY RA
TRONG ÓC BẠN.**

LỜI NÓI ĐẦU

Viện Nghiên cứu và Đào tạo về Quản lý đã có sáng kiến đáng hoan nghênh là hình thành một dòng sách "**Nhà quản lý**" nhằm góp phần cung cấp các kiến thức khoa học quản lý hiện đại, các kinh nghiệm phong phú về quản lý mà loài người đã tích lũy được cho những người đang làm công tác quản lý trong các lĩnh vực khác nhau của thực tiễn Việt Nam.

Thuật ngữ "**Nhà quản lý**" được sử dụng ở ta mới chỉ trong khoảng mười năm gần đây nhưng các nhà quản lý đích thực luôn luôn tồn tại và để lại dấu ấn trong xã hội Việt Nam từ thế hệ này sang thế hệ khác dù cho trong số họ, nhiều người thường quên rằng mình là "nhà quản lý". Ngày nay, cùng với quá trình phát triển theo hướng đổi mới và hội nhập của đất nước, các nhà quản lý Việt Nam đã có nhiều bước trưởng thành và ngày càng đông đảo. Lĩnh vực hoạt động của các nhà quản lý hết sức khác nhau. Quy mô của hoạt động mà họ quản lý cũng không giống nhau. Nhưng tất cả các nhà quản lý đều giống nhau ở tầm quan trọng và tính phức tạp của công việc họ đảm nhiệm, ở sự mới mẻ của các vấn đề mà họ phải vượt qua. Hy vọng dòng sách "**Nhà quản lý**" sẽ sớm trở nên quen thuộc và trở thành một trợ thủ đắc lực cho cộng đồng các nhà quản lý Việt Nam và cả

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VI CÁC TÌNH HUỐNG LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG

162. Khi mở tài khoản tại ngân hàng	15
163. Khi thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng	18
164. Khi muốn vay vốn của ngân hàng và các tổ chức tín dụng	20
165. Khi xác định lãi suất tiền vay và mức vay	23
166. Khi lập hồ sơ vay vốn	24
167. Khi xác định phương thức vay	25
168. Khi vay ngoại tệ	26
169. Khi xin gia hạn nợ vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ	27
170. Khi xin miễn thuế, giảm lãi tiền vay	29
171. Khi xác định quyền và nghĩa vụ của người đi vay	30
172. Khi có nhu cầu mua ngoại tệ của ngân hàng	31
173. Khi vay vốn nước ngoài	33
174. Khi xin bảo lãnh của Chính phủ đối với khoản vay nước ngoài	35

PHẦN VII CÁC TÌNH HUỐNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA

175. Khi doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra	39
176. Khi tiếp nhận quyết định thanh tra	40
177. Khi làm việc với đoàn thanh tra trong quá trình thanh tra	42

178. Khi tiếp nhận quyết định kiểm tra	44
<i>Góc thư giãn: Giải pháp OK</i>	45
179. Khi xác định quyền và nghĩa vụ của DN được thanh tra, kiểm tra	47
180. Khi xác định quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hoặc người thanh tra	48

PHẦN VIII CÁC TÌNH HUỐNG LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

181. Khi uỷ quyền thực hiện các quyền của người sử dụng đất	50
182. Khi người sử dụng đất là tổ chức	51
183. Khi xác định các loại giấy tờ cần thiết để thực hiện quyền của người sử dụng đất	51
184. Khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	53
185. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất	55
186. Khi thuê hoặc thuê lại quyền sử dụng đất	57
187. Khi thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất	58
188. Khi thế chấp giá trị quyền sử dụng đất trong trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi nhiều thửa đất	59
189. Khi làm thủ tục xoá thế chấp	60
190. Khi góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất	62
191. Khi góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất để liên doanh, hợp tác kinh doanh giữa các tổ chức kinh tế trong nước	63
192. Khi góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất để liên doanh với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	64
193. Khi chấm dứt việc góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất	65

PHẦN IX CÁC TÌNH HUỐNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

194. Khi là chủ đầu tư	66
195. Khi phân loại các dự án đầu tư	68
196. Khi trình duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước	71

197. Khi trình duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước	74
198. Khi trình duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước	75
199. Khi trình duyệt dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác	76
Góc thư giãn: Mất nửa tỷ đồng mà vẫn may mắn	77
200. Khi lựa chọn tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng	78
201. Khi lựa chọn doanh nghiệp thi công xây dựng	79
202. Khi thực hiện việc giám định đầu tư	81
203. Khi chuẩn bị đầu tư	82
204. Khi lập dự án đầu tư	83
205. Khi lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	86
206. Khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi	88
207. Khi xác định tổng mức đầu tư	89
208. Khi thay đổi tổng mức đầu tư	91
209. Khi đề nghị thẩm định dự án đầu tư	92
210. Khi lập hồ sơ đề nghị thẩm định dự án đầu tư	95
211. Khi tiếp nhận quyết định đầu tư	98
212. Khi thay đổi nội dung dự án đầu tư	100
213. Khi thực hiện dự án đầu tư	101
214. Khi thiết kế xây dựng công trình	102
215. Khi đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán	104
Góc thư giãn: Thuế và khoá	109
216. Khi xin giấy phép xây dựng	111
217. Khi lập hồ sơ xin giấy phép xây dựng	113
218. Khi ký hợp đồng tư vấn, mua sắm vật tư, thiết bị và xây lắp	120
219. Khi khởi công công trình	121
220. Khi quản lý chất lượng công trình	122
221. Khi nghiệm thu công trình xây dựng	124
222. Khi thanh toán vốn đầu tư	125
223. Khi thanh toán khối lượng xây lắp	128
224. Khi thanh toán khối lượng thiết bị	130
225. Khi thanh toán khối lượng công tác tư vấn	131
226. Khi thanh toán khối lượng chi phí khác	131
227. Khi nghiệm thu, bàn giao công trình	133
228. Khi kết thúc xây dựng công trình	134
229. Khi mua bảo hiểm cho công trình xây dựng	135
230. Khi quyết toán vốn đầu tư	136
Góc thư giãn: Phó chỉ là giúp việc	141

231. Khi đề nghị thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư	143
232. Khi đề nghị phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư	147
233. Khi xác định chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	149
234. Khi lựa chọn hình thức quản lý dự án	151

PHẦN X CÁC TÌNH HUỐNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC ĐẦU THẦU

235. Khi xác định phạm vi và đối tượng của đấu thầu	157
236. Khi xác định lựa chọn hình thức đấu thầu	158
237. Khi xác định phương thức đấu thầu	162
238. Khi lập kế hoạch đấu thầu.....	164
239. Khi thực hiện đấu thầu	164
240. Khi tổ chức đấu thầu quốc tế và thực hiện ưu đãi nhà thầu	166
241. Khi chuẩn bị hồ sơ dự thầu	167
242. Khi mở thầu, xét thầu, trình duyệt và công bố kết quả đấu thầu	168
243. Khi ở vị trí Bên mời thầu	170
244. Khi điều chỉnh hợp đồng	171
245. Khi thành lập Tổ chuyên gia	172
<i>Góc thư giãn: Khi mượn oai hùm</i>	173
246. Khi tuyển chọn tư vấn	175
247. Khi tổ chức đấu thầu tư vấn	177
248. Khi đấu thầu mua sắm hàng hoá	179
249. Khi lập hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hoá	181
250. Khi đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hoá	183
251. Khi trúng thầu mua sắm hàng hoá	185
252. Khi thực hiện đấu thầu xây lắp.....	187
253. Khi đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	189
254. Khi tổ chức đấu thầu với những gói thầu quy mô nhỏ	192
255. Khi đấu thầu lựa chọn đối tác để thực hiện dự án	194
256. Khi đề nghị thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu	197
257. Khi xác định thời hạn đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định kết quả đấu thầu	199
258. Khi xử lý những tình huống phát sinh trong đấu thầu	200
259. Khi bảo quản hồ sơ, tài liệu đấu thầu	202
260. Khi xác định chi phí và lệ phí đấu thầu	202

261. Khi vi phạm Quy chế đấu thầu	203
<i>Góc thư giãn: Cái rãnh giữa đường</i>	205

PHẦN XI

CÁC TÌNH HUỐNG LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ THỦ TỤC HẢI QUAN

262. Khi muốn được kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp	206
263. Khi đăng ký mã số xuất, nhập khẩu tại cơ quan hải quan	207
264. Khi thực hiện xuất, nhập khẩu uỷ thác	209
265. Khi chọn mặt hàng nhập khẩu	210
266. Khi chọn mặt hàng xuất khẩu	212
267. Khi nhận làm hàng gia công cho thương nhân nước ngoài	213
268. Khi thanh lý, thanh khoản hợp đồng gia công	216
269. Khi đặt gia công hàng hoá ở nước ngoài	218
270. Khi làm đại lý mua, bán hàng hoá cho thương nhân nước ngoài	219
271. Khi xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường có hạn ngạch	221
272. Khi đề nghị xét thưởng hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may	225
273. Khi xuất, nhập khẩu thuốc và mỹ phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người	228
<i>Góc thư giãn: Mặt hàng lưỡng tính</i>	238
274. Khi nhập khẩu thuốc thành phẩm y học cổ truyền chưa có số đăng ký	238
275. Khi nhập khẩu thuốc làm mẫu	239
276. Khi nhập khẩu thuốc phục vụ các chương trình y tế quốc gia và phòng chống dịch bệnh	240
277. Khi xuất khẩu thuốc chưa có số đăng ký	241
278. Khi xuất, nhập khẩu mỹ phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người chưa được cấp số đăng ký chất lượng	242
279. Khi lựa chọn mặt hàng sản phẩm gỗ, lâm sản để xuất khẩu	244
280. Khi mua gỗ nguyên liệu, lâm sản để sản xuất sản phẩm xuất khẩu	246
281. Khi nhập khẩu gỗ nguyên liệu và lâm sản	249
282. Khi tham gia xuất khẩu gạo	251
283. Khi tham gia nhập khẩu phân bón	252
284. Khi nhập khẩu băng, đĩa ca nhạc, sân khấu	254

500 TÌNH HUỐNG QUẢN LÝ VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT KHI XỬ LÝ

Tập 2

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

- Chịu trách nhiệm xuất bản: **NGUYỄN ĐÌNH THIÊM**
NGUYỄN BÁ NGỌC
- Biên tập: **PHẠM VĂN GIÁP**
- Trình bày bìa: **NGUYỄN TIẾN DŨNG**
- Kỹ thuật vi tính: **DƯƠNG TÚ QUỲNH**

*In 2000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xưởng In Tổng cục CNQP.
Giấy phép xuất bản số 4/434/XB-QLXB của Cục Xuất bản cấp ngày 8/5/2000.
In xong, nộp lưu chiểu tháng 9/2000.*